TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-06-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên toà: bà Nèang Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Neàng Đa N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Chau Sóc P, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp A, xã H, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Người phiên dịch: ông Lục Tà Dung, phiên dịch viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nèang Đa N trình bày:

Chị Nèang Đa N và anh Chau Sóc P được mai mối, tiến đến hôn nhân trong năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh An Giang. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do anh P không quan tâm đến chị và gia đình, chị N và anh P tuy sống chung nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, sau ngày cưới một tháng thì anh

P về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy, giữa chị N và anh P không có tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chau Sóc P.

Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anh P vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/6/2023, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn chi N vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn anh P vắng mặt không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị N vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt); bị đơn anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa của vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị N và anh P sống ly thân nhau. Nhận thấy, quá trình chung sống, anh P không quan tâm, chăm lo, vun đắp cuộc sống gia đình thể hiện qua việc sau khi tổ chức lễ cưới khoảng một tháng thì anh P về nhà cha mẹ anh P sinh sống đến nay. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị N và anh P không có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của chị N (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh P được xác lập trong năm 2011, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P xác lập năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì tình trạng hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và theo xác minh tại địa phương thì hiện hai người đang sống ly thân với nhau.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *"Vợ chồng chung thuỷ, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững"*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và có nghĩa vụ sống chung với nhau, thế nhưng anh P và chị N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2011 đến nay, do mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N khởi kiện xin ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: giữa chị N với anh P không có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Quá trình tố tụng, bị đơn anh Chau Sóc P không có ý kiến bằng văn bản, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị N là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

- Bị đơn anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nèang Đa N.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nèang Đa N được ly hôn với anh Chau Sóc P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 26/04/2011 của Uỷ ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên (nay là thị xã Tịnh Biên), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: chị Nèang Đa N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008692, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (nay là thị xã Tịnh Biên).

Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được Nêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thị

hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thị hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú